



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0535
TELEPHONE: _____

IV#: _____
VEWL#: _____
I-171#: Y
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly
internal in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S.
admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM

(Ten Tu Nhan)

QUỐC

Last (Ho)

ÁI

Middle

NGUYỄN

First (Ten)

Current Address: 18/5A/10 Xô Viết Nghệ Tĩnh P. Dakao Q.1 Saigon

Date of Birth: 23-1-1940 Place of Birth: Tây Ninh

Previous Occupation (before 1975): Chủ sự Phòng Khai thác Tài nguyên Tỉnh Hồ Chí Minh
(Rank & Position) (Đại - Ủy sà: 60/177.060) Tổng Thống

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: from 6-23-1975 to 8-6-1980
(Thang - Ngày - Năm) Year 5 Months 1 Days 13

SPONSOR NAME: KHÔNG
(Neu co) Name

Address and Telephone Number

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>KHÔNG</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria
and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so.
Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on
INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

QUỐC - AI - NGUYỄN¹²
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RÉLATIONSHIP TO PA.
NGỌC - YẾN - LA	1942	Vợ
NHÂN - THANH - NGUYỄN	1964	Con trai
HẢI - THANH - NGUYỄN	1965	Con trai
TÂM - THANH - NGUYỄN	1967	Con trai
TRÚC - THANH - NGUYỄN	1969	Con gái
VŨ - THANH - NGUYỄN	1970	Con trai
PHONG - THANH - NGUYỄN	1972	Con trai
QUANG - THANH - NGUYỄN	1973	Con trai
GIÁC - THANH - NGUYỄN	1974	Con gái

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

Đính kèm : 1 thẻ viết tay gởi Bà KMT / chủ tịch HTN CTVM.

1 giấy báo số 528.

1 băng gồm 2 mặt (giấy ra trại và khai sinh của Nguyễn Ai Quốc)

1 băng photo 2 mặt (giấy hôn thú và khai sinh của Ngọc)

1 băng photo 2 mặt (khai sinh của Nhân, Hải, Tâm, Trúc, Vũ, Phong, Quang, Giác)

Saigon ngày 21 - 3 - 1990

Kính thưa Bà chủ tịch,

May mắn được biết tên của Bà với chức vụ cao cả nhất hàng đầu anh em quân ngũ chúng tôi được toại nguyện - Tôi cũng mong rằng bức thư tâm huyết này kính gửi đến Bà với tất cả lòng thành khẩn lòng Tử Ai của Bà giúp đỡ tôi sớm được liệt kê tên danh sách những tù nhân chính trị VN do Mỹ thực hiện

Tôi là Đại - Uy Nguyễn ái Quốc số quân 60/199.060, chức vụ trong QLVNCH là Chủ tịch Phòng Khai thác Tài nguyên - Tín Võ Phòng Phủ Tổng Thống - Sau 30-4-1975, tôi bị đi cải tạo 5 năm 1 tháng 13 ngày - Được thả không cho ở Thành Phố - Quản chế tại nhà 3 năm nữa. Hiện nay gia đình 10 người đang sống với 2 bàn tay -

Tôi đã đăng ký xin xuất cảnh tại Quận I vào đầu năm 1989.

Tôi cũng đã gửi hồ sơ đến chương trình ODP tại Thái Lan 4 lần (1981, 82, 83, 89) mà không thấy báo nhận, rất hoài nghi thất lạc.

Lần cuối cùng này tôi xin gửi hồ sơ đến Bà chủ tịch để xin Bà vui lòng giúp đỡ tôi sớm được lên danh sách phía Hoa - Kỳ.

Thành thật biết ơn Bà chủ tịch Hội Tù Nhân chính trị Việt Nam.

Nay kính thư



Nguyễn ái Quốc

GIẤY BẢO

CÔNG AN QUẬN 1 Xin thông báo cho :

Ông, Bà : Nguyễn ái Quốc

Hiện cư ngụ tại số : 18/5^A/10 Xã Việt nghị tỉnh

biết

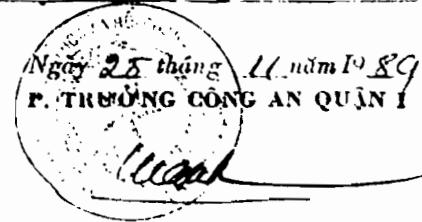
Hồ sơ xin xuất cảnh đi : Mỹ 10 người diện HO

Của Ông, Bà : Quốc chúng tôi đã làm đầy đủ thủ tục

và chuyển lên Phòng công tác người nước ngoài (161 Nguyễn Du) ngày 6-10-89

Theo danh sách số : 528

Vậy xin báo đề Ông, Bà tiện việc theo dõi.



Tên họ: Nguyễn ái Quốc



CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM

Độc lập - tự do - hạnh phúc

401

GIẤY RA TRẠI

n cú chỉ thị số 316/TTg ngày 22-8-1977 của thủ tướng
ước cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam về chính sách đối
nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và
hạn động hiện đang bị gặp trung cải tạo.

n cú thông tư Liên bộ quốc phòng - nội vụ số: _____
ngày _____ về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-8-1977
của thủ tướng chính phủ.

Thi hành quyết định tha số: 99/QĐ ngày 1-8-1980 của bộ nội
vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: NGUYỄN ÁI QUỐC

Sinh ngày: 23-1-1940

Nguyên quán: Tây ninh

Trú quán: 18A/5/10 Xô viết nghệ tĩnh, thành phố
Hồ chí Minh.

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền
quân sự và các tổ chức chính trị phản động của
chế độ cũ: Đại úy sĩ quan điều hành điện thoại.

(Chủ sự phòng khai thác truyền tin phủ tổng thống)

- Khi về phải trực tiếp trình ngay giấy này với ủy ban nhân
dân và công an: Số 18A/5/10 đường xô viết nghệ tĩnh, thành phố Hồ
chí Minh. Và tuân theo các quy định của ủy ban nhân dân thành phố
về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng

- Thời hạn đi đường: 02 ngày kể từ ngày ký giấy ra trại.

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp:

(Theo quyết định tha không được cư trú trong thành phố
còn các nơi khác do chính quyền địa phương quy định).

Lấn tay ngón trỏ phải.
Của: Nguyễn Ái Quốc

Chữ ký của người
được cấp giấy

Ngày 6 tháng 8 năm 1980

GIÁM THỊ

Nguyễn Ái Quốc

Thiếu tá: PHẠM HUỆ



VIỆT-NAM CỘNG HÒA

BỘ TƯ-PHÁP
Département de Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ TÂY-NINH

(Greffier du Tribunal de)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH: Làng Hiệp-Ninh

(Extrait du registre des actes de naissance)

Tây-Ninh

(NAM-PHẦN)

(Sud-Vietnam)

NĂM 1940
(Année)

SỐ HIỆU
(Acte N°)

Tên, họ của con út (Nom et prénom de l'enfant)	CƯỚC-VĂN-TẮT.
Nam, nữ (Sexe masculin)	Vụ số : 721-NB/BIS
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền Tây-Ninh
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	xử về việc hộ trong phiên nhóm công khai ngày 10-3-1959 đã lên bản án như sau :
Tên họ của (Nom et prénom du père)	Phán rằng : Nguyễn-ái-Quốc, sinh
Chức làm nghề gì (Profession)	ngày 23-1-1940 tại Làng Hiệp-Ninh
Nhà cửa ở đâu (Domicile)	(Tây-Ninh), là con chánh thức của
Tên họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn-văn-Yên (c) và lâm-thị-Keo.
Mẹ làm nghề gì (Profession)	Phán rằng án này thế-vì khai-sanh
Nhà cửa ở đâu (Domicile)	cho đương-sự.
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	Cước y theo án.
	Tây-Ninh, ngày 30-7-65
	Chánh-Lục-Sự
	Ấn ký : Vũ-sĩ-Nghị

Chúng tôi, Phạm-nam-Sách
(Nous)

Chánh-án Tòa Tây-Ninh
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông : Vũ-sĩ-Nghị
(M.)

Chánh-Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef du tribunal).

Tây-Ninh, ngày 4-8-1965

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)

Trích y bản chánh.
(Pour extrait conforme).

Tây-Ninh, ngày 4-8-1965

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

Giá tiền : 5800

(Côté)

Biên-lai số: 4486/KS.

(Quittance N°)

H.V.3/3
V.V.R

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viet-Nam
BỘ TƯ-PHÁP
Secrétariat d'Etat à la Justice
SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
(Service Judiciaire du Sud Vietnam)

PHÒNG LỤC-SỰ' TOÀ TÂY-NINH
GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH LỤC BỘ HÔN THỦ NĂM 1963 (BUC XXXX)
Extrait du registre des actes de mariage de l'année.

LÀNG Hiệp-Ninh TỈNH Tây-Ninh (NAM-PHẦN)
du Village de Province de (Sud Viet-Nam)

NĂM 1963 SỐ HIỆU 97
(Année) (Acte No)

Do án (Vụ số 2247/NĐ)
ngày 14-9-1965 của Ông
Chánh-Án Tòa HGRQ Tây-
Ninh, đã lên bản án như
sau:

Phán rằng tờ hôn thú
số 97 lập năm 1963 tại
xã Hiệp-Ninh (Tây-Ninh) của
Nguyễn-Ái-Quốc, sẽ được
sửa đổi như sau:

- Tên họ cha vợ sẽ viết là
Vô-danh thay vì: 'La-Bũn
(chết).

Cước y theo án:
Tây-Ninh, ngày 3-12-1965
Chánh-Lục-Sự

Án Vô-sĩ-Nghị

Tây-Ninh, ngày 5-5-1966

Chánh-Lục-Sự

Án Vô-sĩ-Nghị

Chánh-Lục-Sự

Án Vô-sĩ-Nghị

Chánh-Lục-Sự

Án Vô-sĩ-Nghị

Chánh-Lục-Sự

Án Vô-sĩ-Nghị

Chánh-Lục-Sự

Án Vô-sĩ-Nghị

Chánh-Lục-Sự

Án Vô-sĩ-Nghị

Chánh-Lục-Sự

Án Vô-sĩ-Nghị

Chánh-Lục-Sự

Án Vô-sĩ-Nghị

Tên, họ người chồng Nom et prénoms de l'époux	Nguyễn-Ái-Quốc ✓
Sanh tại chỗ nào Lieu de la naissance	Hiệp-Ninh (Tây-Ninh)
Sanh ngày nào Date de la naissance	Ngày Hai mươi ba tháng một, năm một ngàn chín trăm bốn mươi.
Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói) Nom et prénoms du père de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé)	Nguyễn-văn-Yên (chết)
Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói) Nom et prénoms de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	Lâm-thị-Keo (chết)
Tên, họ người vợ Nom et prénoms de l'épouse	La-Yến-Ngọc ✓
Vợ chánh hay là vợ thứ Son rang de femme mariée	-----
Sanh tại chỗ nào Lieu de la naissance	Phước-Hiệp (Bình-Dương)
Sanh ngày nào Date de la naissance	Ngày Năm tháng năm, năm một ngàn chín trăm bốn mươi hai
Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói) Nom et prénoms du père de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé)	La-Bũn (c)
Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói) Nom et prénoms de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)	Huỳnh-thị-Nương
Ngày kết-hôn Date de mariage	Ngày Ba mươi tháng tám, năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba.

Trích y bản chánh:
Pour extrait conforme; 2

Phạm-Nam-Sách

Chánh-Án Tòa
Président du Tribunal
chứng cho hợp-pháp chữ ký của
certifie l'authenticité de la signature de M.
Ông
Chánh-Lục-sự Tòa-Án
Greffier en Chef dudit Tribunal.

Tây-Ninh, ngày 5-5-1966
CHANH-AN 5-5-1966
LE PRÉSIDENT,



Già tiền
Cao
Biên-lai số
Ganica 0 24

73

1361/HT

BỘ TƯ-PHÁP

Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

Service Judiciaire du Sud-Viêt-nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ

HGRQ BÌNH-DƯƠNG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

tỉnh Gia-Định

Làng Phước-Hiệp

(NAM-PHẦN)

(Sud-Viêt-nam)

NĂM 1942
(Année)

SỐ HIỆU 65
(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Tòa Sơ-Thẩm, Biên-Hòa, xử về việc h trọng phiên nhom công khai ngày 10
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	tháng 5 năm 1963, có liên an số 344, ma chủ văn như sau :
Sanh ngày nào (Date de naissance)	BỚT CAC LE AY
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Chấp nhận đơn của Huỳnh-thị-Huông xin an thế-vĩ khai sanh cho con y thị
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Phản rằng : La-yên-Ngọc
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	sanh ngày 5-5-1942 tại xã Phước-Hiệp (Gia-Định hiện giờ là Bình-Dương) là con của vô danh và Huỳnh-thị-Huông.
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phản rằng án này thế-vĩ khai sanh cho La-yên-Ngọc.
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	CƯỚC Y THEO AN
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Bình-Dương, ngày 30 tháng 7 năm 1965
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Chánh-Lục-Sự,
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	(Ký tên và ấn dấu : Ngô-thế-Chí)

Chúng tôi, Dặng-hữu-Thụ
(Nous)

Chánh-án Toà HGRQ BÌNH DƯƠNG
(Président du Tribunal)

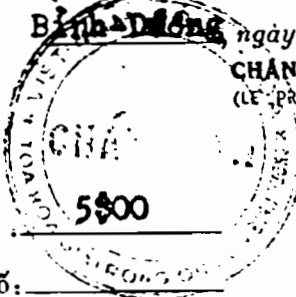
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Đ. 3 Ngô-thế-Chí
(M.)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

Bình-Dương, ngày 30-7- 196 5

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT),



Giá tiền
(Cost)
Biên-lai số:
(Quittance N°)

Trích y bốn chánh.
(Pour extrait conforme).

Bình-Dương, ngày 30-7- 196 5

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF).



Tên, họ ấu-nhi Nguyễn-Thanh-Khân
 Phái Nam
 Sinh Ngày mười tám, tháng hai, năm một ngàn chín
 (Ngày, tháng, năm) /trăm sáu mươi bốn.
 Tại Xã Hiệp-Minh
 Cha Nguyễn-Ái-Quốc
 (Tên, họ)
 Tuổi Hai mươi bốn
 Nghề-nghiep Công-Chức
 Cư-trú tại Hiệp-Minh
 Mẹ La-Yến-Ngọc
 (Tên, họ)
 Tuổi Hai mươi hai
 Nghề-nghiep buôn bán
 Cư-trú tại Hiệp-Minh
 Vợ Chánh
 (Chánh hay thứ)
 Người khai Nguyễn-Ái-Quốc
 (Tên, họ)
 Tuổi Hai mươi bốn
 Nghề-nghiep Công-Chức
 Cư-trú tại Hiệp-Minh
 Ngày khai Ngày 24 tháng 2 năm 1964
 Người chứng thứ nhất Đoàn-hữu-Thiện
 (Tên, họ)
 Tuổi Hai mươi bốn
 Nghề-nghiep học sinh
 Cư-trú tại Hiệp-Minh
 Người chứng thứ nhì Phan-văn-Bước
 (Tên, họ)
 Tuổi Sáu mươi một
 Nghề-nghiep Làm vườn
 Cư-trú tại Hiệp-Minh

Làm tại xã Hiệp-Minh ngày 24 tháng 02 / 1964

Người khai,

Hộ-lich,

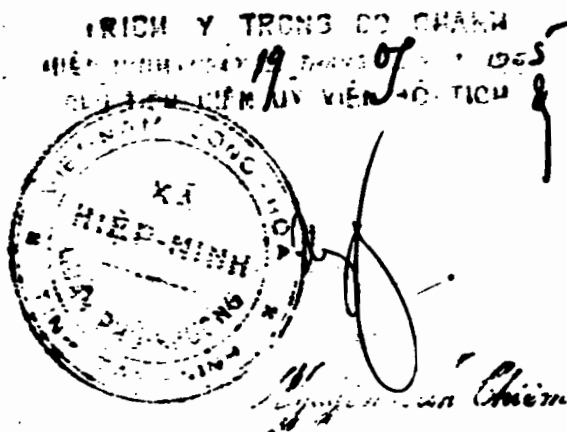
Nhân chứng,

Nguyễn-Ái-Quốc

Lê-văn-Thiện

Đoàn-hữu-Thiện.

Phan-văn-Bước



Chứng từ chỉ ký tên...
 của...
 QUẬN-TƯỞNG

NAM - PHÂN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

ĐỒ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

TH/10b

Tòa Hành-Chánh Quận nhị

Số hiệu : 7128-B

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm (1965)

Tên, họ đứa nhỏ	NGUYỄN THÁNH HAI
Phái	Nam
Ngày sanh	Hai mươi tám tháng tám năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm 08/30
Nơi sanh	Saigon I Phạm ngu lao
Tên, họ người Cha	NGUYỄN HAI GIANG
Tuổi	Hai mươi lăm
Nghề-nghiệp	Quan nhân
Nơi cư-ngụ	Saigon 966 Trần hưng đạo
Tên, họ người Mẹ	LÊ Y H 4 00
Tuổi	Hai mươi ba
Nghề-nghiệp	Nơi tro
Nơi cư-ngụ	Saigon 966 Trần hưng đạo
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 30 tháng 8 năm 196 5

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 17 tháng 10 năm 196 5

T. L. QUẬN-TRƯỞNG QUẬN nhị

H. D. LƯƠNG

XE, thị trấn Bình Hòa

Thị xã, quận GV

Thành phố, tỉnh **03**

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH**

S6 2106

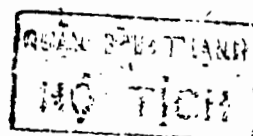
Quyền số _____

[illegible]

Họ và tên	Nguyễn Thanh Trắc		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng năm	Ngày 04 tháng 6 năm 1969			
Nơi sinh	Xã Thanh Tâm xã BH			
Khai về cha, mẹ	CHA		ME	
Họ tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh).	Nguyễn Sĩ Quốc		La Văn Ngọc	
Dân tộc				
Quốc tịch				
Nghề nghiệp				
Nơi ĐKKK thường trú				
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai				

Nhận thực sao y bản chính
Ngày 25/8/88 TM/UBND QBT

Đã ký, ngày 04 tháng 06 năm 199 -
TM/UBND _____ ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ, tên, chức vụ).



NAM - PHẦN

ĐÔ - THÀNH SAIGON

Tòa Hình-Chánh Quận nhứt

Số hiệu : 227

BỘ AN-KHÁNH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Mười bảy (1967)

Năm một ngàn chín trăm sáu

Tên, họ đứa nhỏ	NGUYỄN-THANH-TÂM
Phối.	Nam
Ngày sanh	Hai mươi hai tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy - 2 giờ -
Nơi sanh.	An-khánh Quận I Sài-Gòn
Tên, họ người cha. . . .	NGUYỄN-ÁI-QUỐC
Tuổi.	Hai mươi bảy
Nghề-nghiệp.	Quản nhân
Nơi cư-ngụ	An-khánh Quận I Sài-Gòn
Tên, họ người mẹ. . . .	LA-YẾN-NGỌC
Tuổi.	Mười một
Nghề-nghiệp	Nồi trổ
Nơi cư ngụ.	An-khánh Quận I Sài-Gòn
Vợ chánh hay thứ. . . .	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 23 tháng 6 năm 1967

TRÍCH LỤC V BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 03 tháng 07 năm 1967

QUẢN LÝ QUẢN TRƯỞNG QUẢN NHỨT

1967

ĐÔ-THÀNH SAIGON

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TOA HÀNH-CHÍNH QUÂN NAM

HỘ-TỊCH

THUẾ/6

Số hiệu: 6749B

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lệ phí 10%

Năm một ngàn chín trăm Bảy mươi hai

Tên, họ đứa nhỏ	NGUYEN THANH PHONG
Phái	Nam
Ngày sanh	mười chín tháng bảy năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai bởi 16650
Nơi sanh	128 đại lộ Hùng Vương
Tên, họ người Cha	NGUYEN AI QUỐC
Tuổi	Ba mươi hai
Nghề nghiệp	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	18-A Hồng Thập Tự
Tên, họ người Mẹ	LA YEN NGOC
Tuổi	Ba mươi
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	18-A Hồng Thập Tự
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh



Số 1658/1116

CHỦNG KINH Y BÀN CHÁNH

Ngày 26 tháng 7 năm 1972

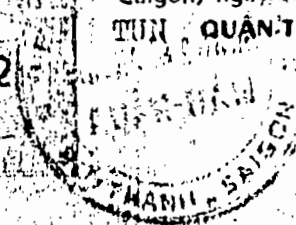
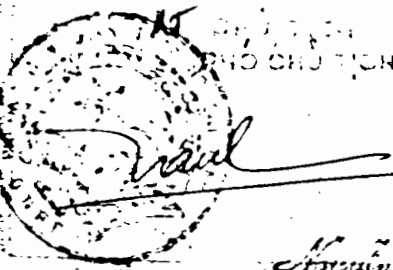
Lập tại Saigon, ngày 21 tháng 7 năm 1972

TRÍCH-LỤC Y BÀN CHÁNH:

Saigon, ngày 26 tháng 7 năm 1972

TUN QUÂN-TRƯỞNG QUÂN NAM,

1972



Nguyễn Văn Tấn
Tham Sự Hành-Chính

Thành phố, tỉnh: Đà Nẵng

MI. HT2/P3

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH**

S6 2304

Quyển số _____

[illegible]

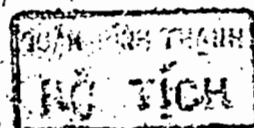
Họ và tên	Nguyễn Thanh Tĩ		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng năm	Ngày 01 tháng 6 năm 1970			
Nơi sinh	Xã Thanh Tâm xã BH			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Ái Quốc		La Văn Ngọc	
Dân tộc				
Quốc tịch				
Nghề nghiệp				
Nơi ĐKNK thường trú				
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai				

Phạm thế sao y bản chính
Ngày 25/8/88 YH/UBND Q/BT

Đã ký, ngày 01 tháng 06 năm 1970
TM/UBND _____ ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)



Ge. N. H. C. Em



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

Xã, thị trấn BH
Thị xã, quận QT
Thành phố, tỉnh QL

**BẢN SÀO
GIẤY KHAI SANH**

Số 4718
Quyển số

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

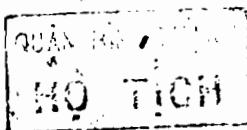
Họ và tên	<u>Nguyễn Thanh Quang</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng năm	<u>Ngày 16 tháng 7 năm 1971</u>		
Nơi sinh	<u>Đã Thành Tâm; xã NH</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Ái Quốc</u>	<u>La Văn Ngạc</u>	
Dân tộc Quốc tịch			
Nghề nghiệp Nơi ĐKKK thường trú			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai			

Nhận theo sao y bản chính
Ngày 15/8/88 TM/UBND Q/BT

Đã ký, ngày 19 tháng 7 năm 1983
TM/UBND ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)



La Văn Ngạc



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận NhiThành phố, Tỉnh Sài GònBẢN SAO
GIẤY KHAI SINHSố 5034-B

Quyền số _____

Họ và tên	NGUYỄN THANH GIÁC		Nam, nữ <u>nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	09 - 6 - 1974		
Nơi sinh	284 Cống Quỳnh		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN ÁI QUỐC 34t	LÀ YẾN NGỌC 32t	
Dân tộc Quốc tịch			
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	quân nhân Sài Gòn	Hội trợ Hồng, Thái, Lữ	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Thị Nga		

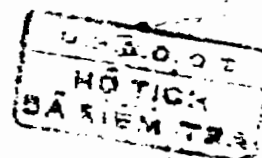
NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 27 tháng 8 năm 1988TM/UBND. C.T ký tên đóng dấuĐăng ký ngày 12 tháng 6 năm 1974

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

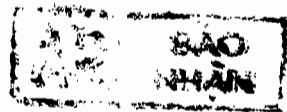
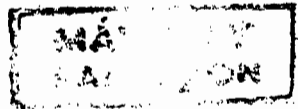


Nguyễn Thị Thanh Ngọc



FROM: NGUYỄN ÁI QUỐC - 18/5A/10 Xô Viết Nghệ Tĩnh
P. Đa Kao - Quận I - TP. Hồ Chí Minh

APR 10 1990



To Mrs KHUC M. THO
P.O. BOX 5435 ARLINGTON

VA 22205 - 0635

U.S.A

527 = 25h 20